

Phụ lục 01

**Bảng tổng hợp bổ sung các hộ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi**

(Kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Tên xã, phường, đặc khu và tên người có công được hỗ trợ	Số hộ đăng ký xây mới, sửa chữa nhà ở			Mức hỗ trợ		Thành tiền (triệu đồng)			Văn bản đề nghị
		Tổng số hộ	Trong đó		Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	Tổng cộng	Trong đó:		
			xây mới	sửa chữa				Xây mới (hộ)	Sửa chữa (hộ)	
1	Xã An Phú	4		4	60	30	120,0	0,0	120,0	Số 2073/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
2	Xã Ba Đình	15	10	5	60	30	750,0	600,0	150,0	Số 76/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
3	Xa Ba Gia	26	7	19	60	30	990,0	420,0	570,0	Số 617/QĐ-UBND ngày 17/6/2026 ; Số 633/QĐ-UBND ngày 23/6/2026
4	Xã Bình Chương	14	6	8	60	30	600,0	360,0	240,0	Số 675/QĐ-UBND ngày 24/6/2026
5	Xã Bình Sơn	18	8	10	60	30	780,0	480,0	300,0	Số 1606/QĐ-UBND ngày 23/6/2026
6	Phường Cẩm Thành	4	3	1	60	30	210,0	180,0	30,0	Số 1582/QĐ-UBND ngày 20/6/2026
7	Xã Đặng Thùy Trâm	5	3	2	60	30	240,0	180,0	60,0	Số 287/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
8	Xã Đình Cương	30	3	27	60	30	990,0	180,0	810,0	Số 1450/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
9	Xã Đông Sơn	58	23	35	60	30	2.430,0	1.380,0	1.050,0	Số 1734/QĐ-UBND ngày 22/6/2026
10	Xã Đông Trà Bồng	9	2	7	60	30	330,0	120,0	210,0	Số 769/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
11	Xã Khánh Cường	12	7	5	60	30	570,0	420,0	150,0	Số 1009/QĐ-UBND ngày 16/6/2026
12	Xã Long Phụng	89	12	77	60	30	3.030,0	720,0	2.310,0	Số 1830/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
13	Xã Minh Long	32	10	22	60	30	1.260,0	600,0	660,0	Số 267/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
14	Xã Mỏ Cày	97	29	68	60	30	3.780,0	1.740,0	2.040,0	Số 1110/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
15	Xã Nghĩa Giang	22	3	19	60	30	750,0	180,0	570,0	Số 1194/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
16	Xã Nguyễn Nghiêm	8	2	6	60	30	300,0	120,0	180,0	Số 875/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
17	Xã Phước Giang	10	4	6	60	30	420,0	240,0	180,0	Số 1013/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
18	Phường Sa Huỳnh	8	4	4	60	30	360,0	240,0	120,0	Số 393/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
19	Xã Sơn Hạ	10	7	3	60	30	510,0	420,0	90,0	Số 905/QĐ-UBND ngày 25/6/2026
20	Xã Sơn Linh	5	4	1	60	30	270,0	240,0	30,0	Số 734/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
21	Xã Sơn Tây Thượng	1	1		60	30	60,0	60,0	0,0	Số 636/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
22	Xã Sơn Tịnh	28	12	16	60	30	1.200,0	720,0	480,0	Số 1329/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
23	Xã Tịnh Khê	6	1	5	60	30	210,0	60,0	150,0	Số 972/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
24	Phường Trà Câu	12	1	11	60	30	390,0	60,0	330,0	Số 1312/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
25	Xã Trà Giang	57	11	46	60	30	2.040,0	660,0	1.380,0	Số 1278/QĐ-UBND ngày 15/6/2026
26	xã Trường Giang	3	1	2	60	30	120,0	60,0	60,0	Số 636/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
27	P. Trương Quang Trọng	2	1	1	60	30	90,0	60,0	30,0	Số 1701/QĐ-UBND ngày 24/6/2026
28	Xã Vạn Tường	9	1	8	60	30	300,0	60,0	240,0	Số 1566/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
29	Xã Đăk Hà	2	0	2	60	30	60,0	0,0	60,0	Số 323/QĐ-UBND ngày 15/6/2026, số 326/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
30	Xã Đăk Kôi	3	3		60	30	180,0	180,0	0,0	Số 121/QĐ-UBND ngày 16/6/2026
31	Xã Đăk Plô	4	4	0	60	30	240,0	240,0	0,0	Số 431/QĐ-UBND ngày 22/6/2026
32	xã Đăk Ui	6		6	60	30	180,0	0,0	180,0	Số 606/QĐ-UBND ngày 23/6/2026
33	Xã Kon Plông	4	2	2	60	30	180,0	120,0	60,0	Số 1802/QĐ-UBND ngày 19/6/2026
34	Phường Kon Tum	7	1	6	60	30	240,0	60,0	180,0	Số 436/QĐ-UBND ngày 18/6/2026
35	Xã Sa Thầy	3	1	2	60	30	120,0	60,0	60,0	Số 668/QĐ-UBND ngày 23/6/2026
	Tổng cộng	623	187	436			24.300	11.220	13.080	

Phụ lục 2

Bảng hợp chi tiết Bổ sung danh sách các hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thực hiện theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên xã, phường, đặc khu và tên người có công được hỗ trợ	Năm sinh	Họ và tên (NCC, TNLS)	Số sổ (NCC và TNLS)	Chế độ trợ cấp đang hưởng	Dân tộc	Nơi cư trú (thôn, tổ dân phố)	Nhu cầu hỗ trợ		Ghi chú
								Xây mới	Sửa chữa	
1	XÃ AN PHÚ							0	4	
1	Phan Duy Nam	1950	Phan Duy Nam	6710	Thương binh 4/4 (23%) con đẻ liệt sĩ	Kinh	Thôn Cổ Luỹ Bắc		1	
2	Võ Quang Hùng		Võ Quang Hùng	54415	Võ Quang Thiện	Kinh	Thôn Tân Mỹ		1	
3	Lê Hồng Sơn	1955	Lê Hồng Sơn	29466	Thương binh 3/4 (41%)	Kinh	Thôn Tân Mỹ		1	
4	Trần Văn Hội	1946	Trần Văn Hội	70297	Thương binh 4/4 (21%)	Kinh	Thôn Phổ Trung		1	
2	XÃ BA DINH							10	5	
5	Phạm Văn Đon	20821	Phạm Văn Đon	21245	con Liệt sỹ Phạm Văn Lã	Hrê	Nước Lang	1		
6	Phạm Thị Dong (Giang)	20821	Phạm Thị Dong (Giang)	21290	vợ Liệt sỹ Phạm Văn Thênh	Hrê	Nước Lang	1		
7	Phạm Văn Lầy	21551	Phạm Văn Lầy	1354	Bệnh binh 45%	Hrê	Nước Lang	1		
8	Phạm Văn Xê	22011	Phạm Thị Xích	01253	con Liệt sỹ Phạm Văn Biếu	Hrê	Nước Lang	1		
9	Phạm Văn Rê	20504	Phạm Văn Rê	74596	Bệnh binh 61%	Hrê	Gò Ghềm		1	
10	Phạm Văn Hư	17826	Phạm Văn Hư	25960	Thương binh 21%	Hrê	Gò Ghềm		1	
11	Phạm Văn Vúp (Vúp)	19725	Phạm Văn Vúp (Vúp)	852	Bệnh binh 45%	Hrê	Ka La	1		
12	Phạm Văn Đi	27760	Phạm Thị PaRơ	3723	con Liệt sỹ Phạm Văn Sóc	Hrê	Ka La	1		
13	Phạm Thị Long	19725	Phạm Thị Long	228	Bệnh binh 50%	Hrê	Làng Măng	1		
14	Phạm Văn Đít	21444	Phạm Văn Đít	67901	Bệnh binh 61%	Hrê	Làng Măng	1		
15	Phạm Văn Téo	18994	Phạm Văn Téo	67895	Bệnh binh 61%	Hrê	Làng Măng		1	
16	Phạm Thị Tộc	18994	Phạm Thị Tộc	3724	con Liệt sỹ Phạm Văn Bay	Hrê	Kách Lang	1		

17	Phạm Văn Chía	20288	Phạm Văn Chía	27882	Thương binh 31%	Hrê	Kách Lang		1	
18	Phạm Văn Đốc(Đóc)	22647	Phạm Văn Đốc (Đóc)	380	Bệnh binh 45%	Hrê	Kách Lang		1	
19	Phạm Văn Ruông	18264	Phạm Văn Ruông	370	Bệnh binh 45%	Hrê	Gò Khôn	1		
3 XÃ BÌNH CHUÔNG								6	8	
20	Phạm Thị Hữu	1957	Phạm Thị Hữu		Thương binh(Con liệt sĩ)	Kinh	Thôn Phước Tích		1	
21	Nguyễn Thị Tư	1953	Nguyễn Thị Tư		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Phước Tích		1	
22	Huỳnh Tấn Đức	1943	Huỳnh Tấn Đức		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Thạch An	1		
23	Phạm Ngọc Giổng	1954	Phạm Ngọc Giổng		Thương binh	Kinh	Thôn Thạch An		1	
24	Nguyễn Thị Cam	1931	Nguyễn Thị Cam		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn Thạch An		1	
25	Đỗ Thị Cầm	1962	Đỗ Thị Cầm		NCC GĐCM	Kinh	Thôn Ngọc Tri		1	
26	Nguyễn Thị Ngọc	1945	Nguyễn Thị Ngọc		NCC GĐCM	Kinh	Thôn An Điền 1	1		
27	Lê Văn Cản	1949	Lê Văn Cản		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn An Điền 1		1	

28	Phạm Xu	1957	Phạm Xu		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn An Điền 1		1	
29	Phan Văn Thiện	1963	Phan Văn Thiện		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn An Điền 1	1		
30	Phạm Đình Mẫu	1963	Phạm Đình Mẫu		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn An Điền 1		1	
31	Võ Thanh Việt	1955	Võ Thanh Việt		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn An Điền 2	1		
32	Nguyễn Thị Sương	1942	Nguyễn Thị Sương		NCC GĐCM	Kinh	Thôn An Điền 2	1		
33	Huỳnh Lộc	1954	Huỳnh Lộc		NCC GĐCM	Kinh	Thôn Nam Thuận	1		
4 XÃ BÌNH SON								8	10	
34	Nguyễn Tài Sửu	1960		105960	Tù đầy	Kinh	Thôn Trì Bình	1		
35	Nguyễn Thị Lành	1954		8331	NCC GĐCM	Kinh	Thôn Trì Bình	1		
36	Ngô Quyền	1961	Ngô Vỹ	29624	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Mỹ Tân	1		
37	Phan Quang Do	1947		62615	Thương binh 3/4	Kinh	Thôn Mỹ Huệ 2	1		
38	Trần Hành	1949		1855	Tù đầy	Kinh	Thôn Tây Thuận	1		
39	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	1953		100790	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn Tây Thuận	1		
40	Lê Minh Hiền	1950	4870/QĐ-SLĐTBX		NCC GĐCM	Kinh	Thôn Tây Thuận	1		
41	Lê Thị Ba	1962	Lê Cường	NB29845	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Đông Thuận	1		
42	Nguyễn Văn Tiến	1955		126334	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn Phú Lễ 1		1	
43	Phạm Văn Mão	1964	Phạm Ngọc Trang	NB 12883	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Phú Lễ 1		1	
44	Phạm Ngọc Hoàng	1953		113782	Thương binh 3/4	Kinh	Thôn Phú Lễ 2		1	
45	Bùi Thị Tạo	1946		55852	Thương binh 2/4	Kinh	Thôn Phú Lễ 2		1	
46	Nguyễn Công Đức	1966	Nguyễn Hồ	NB 32789	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Mỹ Tân		1	
47	Nguyễn Thị Hồng	1963	Nguyễn Ngọc	41798 QN/LS	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Quang Trung		1	
48	Nguyễn Thị Đủ	1945	Phan Đồi	NB 20012	Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn Trung An		1	
49	Trà Trung Đề	1965	Trà Dân	NB-50830	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Tây Thuận		1	
50	Nguyễn Thị Ngoạn	1947		11467	NCC GĐCM	Kinh	Thôn Nam Bình 1		1	

51	Nguyễn Thị Thanh	1952		126413	Thương binh 3/4	Kinh	Thôn Nam Bình 1		1	
5	XÃ ĐỘNG THỦY TRÂM							3	2	
52	Phạm Thị Diết	16072	Phạm Thị Diết	3635	có công giúp đỡ cách mạng	Hrê	Thôn Kon Dóc		1	
53	Phạm Văn Thừa	03/04/1951	Phạm Văn Thừa	124714	Thương binh	Hrê	Thôn Vây Ốc	1		
54	Phạm Văn Bắp	1/1/1941	Phạm Văn Bắp	85773	Thương binh	Hrê	Thôn Kon Riêng		1	
55	Phạm Thị Ba	1/1/1940	Phạm Thị Ba	143447	Thương binh	Hrê	Thôn Kon Riêng	1		
56	Phạm Thị Sin	10959	Phạm Thị Sin	6277	có công giúp đỡ cách mạng	Hrê	Thôn Đồng Răm	1		
6	ĐỒNG TRÀ BÔNG							2	7	
57	Trần Thị Chánh	1940	Trần Thị Chánh	22320	Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn Bình Đông	1		
58	Trần Văn Phương	1949	Trần Văn Phương	50295	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Bình Đông	1		
59	Phạm Quang Phụng	1966	Phạm Quang Phụng	109172	Thương binh	Kinh	Thôn Bình Đông		1	
60	Nguyễn Thị Lang	1931	Nguyễn Thị Lang	21052	Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn Bình Đông		1	
61	Mai Thị Thơm	1976	Mai Thị Thơm	3012	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Bình Đông		1	
62	Đinh Thị Thùy Hải	1964	Đinh Thị Thùy Hải	3357	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Bình Đông		1	
63	Võ Tấn Lợi	1956	Võ Tấn Lợi	3432	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Phú An		1	
64	Trịnh Đức	1966	Trịnh Đức	22323	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Phú Long		1	
65	Ngô Định	1949	Ngô Định	43147	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Phú An		1	
7	XÃ KHÁNH CƯỜNG							7	5	
66	Trương Đình Linh	1969	Trương Đình Tú	52386	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	Bản Thạch		1	
67	Nguyễn Phi Hùng	1961		164575	Bệnh Binh	Kinh	Qui Thiện		1	
68	Trương Văn Cơ	1954	Nguyễn Thị Xiêu	130181	Thương Binh	Kinh	Qui Thiện	1		
69	Nguyễn Thị Huỳnh	1955		120342	Thương Binh	Kinh	Qui Thiện		1	
70	Võ Giáp	1954		139111	Thương binh (21%)	Kinh	Diên Trương	1		
71	Đặng Thị Minh Thảo	1948		4619	Thương binh (61-80%)	Kinh	Xuân Thành		1	
72	Võ Thị Nhía	1942	Lê Hồng Na	18608	TNLS	Kinh	Xuân Thành	1		
73	Nguyễn Văn Cua	1937		108297	Bệnh binh	Kinh	Thanh Sơn	1		

74	Bùi Kiêm	1956	Bùi Châu	40352	TNLS	Kinh	Thanh Sơn	1		
75	Nguyễn Giao	1952		67321	Thương binh	Kinh	Thanh Sơn	1		
76	Trần Quang	1956	Trần Thanh Minh	12397	TNLS	Kinh	Thanh Sơn		1	
77	Trương Thị Mỹ	1935	Nguyễn Phú	29114	TNLS	Kinh	Vĩnh An	1		
8	XÃ MINH LONG							10	22	
78	Nguyễn Thị Liên	20007		67707	Thương binh	Kinh	Thôn 1		1	
79	Phạm Thị Thủy	10/10/1953		117600	Thương binh	Kinh	Thôn 1		1	
80	Nguyễn Thị Ánh Hoa	08/10/1952		93736	Thương binh	Kinh	Thôn 1		1	
81	Nguyễn Văn Việt	10/10/1963		11511	Thương binh	Kinh	Thôn 2	1		
82	Hồ Thị Thu Hồng	/1954		138968	Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
83	Nguyễn Công Luận	13/03/1954		89	Người CCGĐCM	Kinh	Thôn 2		1	
84	Lê Thị Hồng Lĩnh			36776	Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
85	Nguyễn Thị Hường	10/10/1949		96548	Thương binh	Kinh	Thôn 2	1		
86	Phạm Thị Lục	04/12/1950		130228	Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
87	Bùi Thị Hoàng	13/03/1937		10178	Người CCGĐCM	Kinh	Thôn 2	1		
88	Võ Thị Lan	16041		78068	Người CCGĐCM	Kinh	Thôn 3		1	
89	Vũ Công Bênh	18913		20225	Thương binh	Kinh	Thôn 3		1	
90	Huỳnh Thị Kim Hồng	16577		138968	Thương binh	Kinh	Thôn 3		1	
91	Bùi Thị Tuyết Nhung	20372		120181	Thương binh	Kinh	Thôn 3		1	
92	Hồ Thị Bích Nhi	24026		46189	Con của LS	Kinh	Thôn 3		1	
93	Đinh Thấy	21187		297	Bệnh binh	Hre	Thôn Hà Liệt	1		
94	Đinh Trọng	01/01/1959		596	Bệnh binh	Hre	Thôn Đồng Cản		1	
95	Đinh Thị Nghiệp	18304		94978	Người CCGĐCM	Hre	Thôn Đồng Cản	1		

96	Đinh Văn Tư	22781		5845	Con của LS	Hre	Thôn Đồng Cản		1	
97	Đinh Thị Tuổi	18264		141131	Người CCGĐCM	Hre	Thôn Đồng Cản		1	
98	Nguyễn Thị Thành	10036		5836	Vợ LS	Kinh	Thôn Đồng Cản		1	
99	Đinh Văn Chi	02/09/1960		966	Bệnh binh	Hre	Thôn an Thanh		1	
100	Đinh Văn Núi			606	Bệnh binh	Hre	Thôn An Phương		1	
101	Đinh Inh	20424		1019	Bệnh binh	Hre	Thôn An Phương		1	
102	Đinh Văn Lá	18994		998	Bệnh binh	Hre	Thôn An Phương	1		
103	Đinh Tèo	19725		885	Bệnh binh	Hre	Thôn An Phương		1	
104	Đinh Văn Hóc			289	Bệnh binh	Hre	Thôn Gò Nhiêu	1		
105	Đinh Xuân Đáy	21594		141097	Thương binh	Hre	Thôn Cà Xen	1		
106	Đinh Thị Lố	1958		2312	Vợ LS	Hre	Thôn Làng Giữa		1	
107	Đinh Văn Lay	01/12/1960		970	Bệnh binh	Hre	Thôn Cà Xen		1	
108	Đinh Thị Lắc	16041		2101	Con của LS	Hre	Thôn Cà Xen	1		
109	Đinh Văn Trang	16803		83685	Người CCGĐCM	Hre	Thôn Làng Giữa	1		
9	XÃ MỎ CÀY							29	68	

110	Phạm Thị Thùy Linh	1970	Phạm Thị Thùy Linh		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 1	1		
111	Nguyễn Thị Hiền	1940	Nguyễn Thị Hiền		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn 1		1	
112	Nguyễn Thị Thu	1966	Nguyễn Thị Thu		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 1		1	
113	Nguyễn Thị Mai	1951	Nguyễn Thị Mai		Thương binh	Kinh	Thôn 1		1	
114	Nguyễn Thị Gái	1946	Nguyễn Thị Gái		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 1		1	
115	Đinh Thị Bê	1949	Đinh Thị Bê		Thương binh	Kinh	Thôn 1		1	
116	Trần Thị Trước	1957	Trần Thị Trước		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn 1		1	
117	Trần Thị Nghiên	1941	Trần Thị Nghiên		Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
118	Trần Văn Thái	1952	Trần Văn Thái		Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
119	Trần Thị Xuân	1951	Trần Thị Xuân		Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
120	Nguyễn Đông Triều	1960	Nguyễn Đông Triều		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 2		1	
121	Nguyễn Thị Tám (Ổ)	1948	Nguyễn Thị Tám (Ổ)		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 2		1	
122	Lê Thị Lộc	1950	Lê Thị Lộc		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn 2		1	
		1955								
123	Nguyễn Thanh Hồng		Nguyễn Thanh Hồng		Thương binh	Kinh	Thôn 2		1	
124	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1968	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 3		1	
125	Phạm Thị Thúy	1952	Phạm Thị Thúy		Thương binh	Kinh	Thôn 3		1	
126	Chế Thị Đào	1939	Chế Thị Đào		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn 3		1	
127	Bùi Nghĩa	1962	Bùi Nghĩa		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 4	1		
128	Nguyễn Ngọc Anh	1951	Nguyễn Ngọc Anh		Thương binh	Kinh	Thôn 4	1		
129	Võ Thị Sang	1954	Võ Thị Sang		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 4		1	
130	Trần Ngọc Phước	1950	Trần Ngọc Phước		Thương binh	Kinh	Thôn 4	1		
131	Nguyễn Văn Phê	1952	Nguyễn Văn Phê		Thương binh	Kinh	Thôn 4	1		
132	Nguyễn Nuôi	1942	Nguyễn Nuôi		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 4		1	
133	Lê Quang Vân	1955	Lê Quang Vân		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 4		1	
134	Trần Văn Nghê	1950	Trần Văn Nghê		Thương binh	Kinh	Thôn 4	1		
135	Lê Văn Hôn	1962	Lê Văn Hôn		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 4		1	
136	Nguyễn Xuân Nhân	1969	Nguyễn Xuân Nhân		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 4	1		
137	Nguyễn Văn Tiên	1953	Nguyễn Văn Tiên		Thương binh	Kinh	Thôn 4		1	
138	Trần Thị Tuân	1967	Trần Thị Tuân		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 4	1		
139	Ngô Thị Nhiên (Dung)	1956	Ngô Thị Nhiên (Dung)		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 4		1	
140	Nguyễn Thị Tính	1946	Nguyễn Thị Tính		Thương binh	Kinh	Thôn 4		1	
141	Nguyễn Thị Hạnh	1950	Nguyễn Thị Hạnh		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn 4	1		
142	Nguyễn Thị Hồng Vân	1954	Nguyễn Thị Hồng Vân		Thương binh	Kinh	Thôn 4		1	
143	Nguyễn Diệp	1963	Nguyễn Diệp		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 5		1	

144	Trần Đẹp	1952	Trần Đẹp		Người HDKC giải phóng DT, BVTQ	Kinh	Thôn 5		1	
145	Huỳnh Tấn Kiều	1959	Huỳnh Tấn Kiều		Người HDKC giải phóng DT, BVTQ	Kinh	Thôn 5		1	
146	Trần Ngọc Minh	1932	Trần Ngọc Minh		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 5		1	
147	Phạm Thông	1954	Phạm Thông		Người HDKC giải phóng DT, BVTQ	Kinh	Thôn 5		1	
148	Nguyễn Thị Tuyết	1941	Nguyễn Thị Tuyết		Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn 5		1	
149	Nguyễn Văn Trụ	1968	Nguyễn Văn Trụ		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 5		1	
150	Trần Thị Huợt	1958	Trần Thị Huợt		NCC GĐCM (Huy)	Kinh	Thôn 5		1	
151	Nguyễn Thị Thành	1944	Nguyễn Thị Thành		Thương binh	Kinh	Thôn 6		1	
152	Cao Thị Hạt	1954	Cao Thị Hạt		Thương binh	Kinh	Thôn 6		1	
153	Phạm Thu	1934	Phạm Thu		Thương binh	Kinh	Thôn 6		1	
154	Nguyễn Thị Đào	1956	Nguyễn Thị Đào		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 6		1	
155	Lê Thị Cúc	1951	Lê Thị Cúc		NCC GĐCM	Kinh	Thôn 6		1	
156	Nguyễn Văn Trung	1964	Nguyễn Văn Trung		Con liệt sĩ	Kinh	Thôn 6		1	
157	Trần Thị Đào	1950	Trần Thị Đào		NCC GĐCM	Kinh	Phước Thịnh	1		
158	Nguyễn Thanh Sa	1954	Nguyễn Thanh Sa		Thương binh	Kinh	Lương Nông Bắc	1		
159	Lương Thị Phương	1948	Lương Thị Phương		Thương binh	Kinh	Lương Nông Bắc		1	
160	Bùi Văn Ty	1960	Bùi Văn Ty		NCC GĐCM	Kinh	Lương Nông Bắc		1	

161	Nguyễn Chận	1937	Nguyễn Chận		Thương binh	Kinh	Lương Nông Bắc	1		
162	Phạm Thị Na	1972	Phạm Thị Na		Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Bắc		1	
163	Tạ Thị Sang	1955	Tạ Thị Sang		NCC GĐCM	Kinh	Lương Nông Bắc	1		
164	Huỳnh Sơn	1958	Huỳnh Sơn		Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Bắc		1	
165	Trần Thị Vương	1957	Trần Thị Vương		NCC GĐCM	Kinh	Lương Nông Bắc		1	
166	Lương Văn Có	1956	Lương Văn Có		Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Bắc		1	
167	Nguyễn Thành Trung	1954	Nguyễn Thành Trung		Thương binh	Kinh	Lương Nông Bắc	1		
168	Nguyễn Thị Lựa	1964	Nguyễn Thị Lựa		Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Nam	1		
169	Lê Thị Tám	1955	Lê Thị Tám		Vợ liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Nam	1		
170	Nguyễn Đức Hoàng	1955	Nguyễn Đức Hoàng		NCC GĐCM	Kinh	Lương Nông Nam		1	
171	Đặng Thị Thúy Việt	1972	Đặng Thị Thúy Việt		Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Nam		1	
172	Nguyễn Văn Kiều	1948	Nguyễn Văn Kiều		Thương binh	Kinh	Lương Nông Nam		1	
173	Đặng Thị Kiêng	1959	Đặng Thị Kiêng		Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Nam		1	
174	Lê Thị Minh Tâm	1954	Lê Thị Minh Tâm		Thương binh, Con liệt sĩ	Kinh	Lương Nông Nam	1		
175	Nguyễn Văn Dũng	1951	Nguyễn Văn Dũng		Thương binh	Kinh	Đôn Lương	1		
176	Phạm Thị Có	1950	Phạm Thị Có		Thương binh	Kinh	Đôn Lương		1	
177	Nguyễn Thị Loan	1945	Nguyễn Thị Loan		Thương binh	Kinh	Đôn Lương		1	
178	Trần Thị Lài	1937	Trần Thị Lài		NCC GĐCM	Kinh	Đôn Lương		1	
179	Nguyễn Tấn Minh	1943	Nguyễn Tấn Minh		Thương binh	Kinh	Đôn Lương		1	
180	Nguyễn Thị Thừa	1930	Nguyễn Thị Thừa		NCC GĐCM	Kinh	Đôn Lương		1	
181	Lê Thị Hồng	1968	Lê Thị Hồng		Con liệt sĩ	Kinh	Đạm Thủy Nam	1		
182	Lê Thị Hết	1969	Lê Thị Hết		Con liệt sĩ	Kinh	Đạm Thủy Nam	1		
183	Lê Bốn	1958	Lê Bốn		Con liệt sĩ	Kinh	Đạm Thủy Nam		1	
184	Nguyễn Thọ (Sảnh)	1937	Nguyễn Thọ (Sảnh)		Thương binh	Kinh	Đạm Thủy Nam		1	

185	Nguyễn Thị Lạ	1940	Nguyễn Thị Lạ		Thương binh	Kinh	Đạm Thủy Bắc		1	
186	Nguyễn Thị Phương	1960	Nguyễn Thị Phương		NCC GĐCM	Kinh	Đạm Thủy Bắc	1		
187	Phạm Thị Quy	1950	Phạm Thị Quy		NCC GĐCM	Kinh	Đạm Thủy Bắc	1		
188	Lê Thị Dư	1941	Lê Thị Dư		Thương binh	Kinh	Đạm Thủy Bắc		1	
189	Ngô Phước Chính	1949	Ngô Phước Chính		Thương binh	Kinh	Đạm Thủy Bắc		1	
190	Bùi Hợp	1969	Bùi Hợp		Con liệt sĩ	Kinh	Đạm Thủy Bắc		1	
191	Nguyễn Thị A	1940	Nguyễn Thị A		Vợ liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Bắc		1	
192	Hồ Văn Tấn	1955	Hồ Văn Tấn		NCC GĐCM	Kinh	Minh Tân Bắc	1		
193	Võ Tư	1956	Võ Tư		NCC GĐCM	Kinh	Minh Tân Bắc		1	
194	Nguyễn Thị Nghĩa	1965	Nguyễn Thị Nghĩa		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Bắc	1		
195	Nguyễn Thị Thị	1966	Nguyễn Thị Thị		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Bắc		1	
196	Võ Thị Đào	1946	Võ Thị Đào		Thương binh	Kinh	Minh Tân Bắc		1	
197	Nguyễn Hồng	1950	Nguyễn Hồng		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Bắc		1	

198	Trần Thắm	1964	Trần Thắm		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Nam	1		
199	Nguyễn Minh Dân	1955	Nguyễn Minh Dân		Thương binh	Kinh	Minh Tân Nam	1		
200	Đinh Minh Dân	1959	Đinh Minh Dân		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Nam	1		
201	Đinh Văn Lai	1970	Đinh Văn Lai		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Nam	1		
202	Nguyễn Thị Xã	1934	Nguyễn Thị Xã		Thương binh	Kinh	Minh Tân Nam	1		
203	Trần Thị Phải	1958	Trần Thị Phải		Con liệt sĩ	Kinh	Minh Tân Nam		1	
204	Hồ Nhường	1936	Hồ Nhường		Thương binh	Kinh	Minh Tân Nam		1	
205	Dương Thị Hải	1942	Dương Thị Hải		Tù, đầy	Kinh	Minh Tân Nam		1	
206	Lê Công Kết	1954	Lê Công Kết		Thương binh	Kinh	Minh Tân Nam		1	
10	XÃ NGHĨA GIANG							3	19	
207	Nguyễn Thị Lan	1931		69161	Tù đầy	Kinh	An Bình		1	
208	Võ Văn Nghĩa	1956		112325	Thương binh	Kinh	An Hội Bắc 2		1	

209	Phan Văn Danh	1957		12000	Thương binh	Kinh	An Hội Bắc 2		1	
210	Võ Thị Bông	1948		69382	Tù đầy	Kinh	An Hội Bắc 2		1	
211	Trần Văn Ty	1951	Trần Văn Thìn	36964	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	An Hội Bắc 2	1		
212	La Thị Nở	1933	Đào Thị Dương	38384	Mẹ đẻ liệt sĩ	Kinh	Xuân Phổ Đông		1	
213	Nguyễn Thị Vị	1943		37853	Thương binh	Kinh	Nam Phước		1	
214	Phan Thị Sâm	1950		500	Thương binh	Kinh	Nam Phước	1		
215	Nguyễn Sương	1930		127809	Thương binh	Kinh	Nam Phước		1	
216	Nguyễn Thành Tân	1936		11242	Thương binh	Kinh	Mỹ Thạnh Đông		1	
217	Bạch Trung Nguyên	1950		8081	Thương binh	Kinh	Mỹ Thạnh Đông		1	
218	Phạm Thị Tuyết (Tiết)	1964	Phạm Chiêm	118	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	Mỹ Thạnh Đông	1		
219	Nguyễn Văn Hùng	1952		112326	Thương binh	Kinh	xuân phố Tây		1	
220	Phạm Trung Hoàng	1965	Phạm Trung Phần	6734	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	xuân phố Tây		1	

221	Nguyễn Phái	1946	Nguyễn Lệnh	6112	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	xuân phố Tây		1	
222	Nguyễn Minh Hải	1957	Nguyễn cạn	55581	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	xuân phố Tây		1	
223	Nguyễn Văn Long	1964	Nguyễn Văn Minh	4152	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	An Hội Bắc 3		1	
224	Hà Thị Lân	1949		138261	Thương binh	Kinh	Mỹ Thạnh Nam		1	
225	Bạch Thị Nhi	1952		68444	Thương binh	Kinh	Mỹ Thạnh Nam		1	
226	Trần Văn Tâm	1964	Trần Văn Tánh	7968	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	Mỹ Thạnh Nam		1	
227	Phan Thị Tùng	1940	Trương Hùng Bơ	21750	vợ liệt sĩ	Kinh	Phú Thuận		1	
228	Nguyễn Xuân Khởi	1960	Trần Thị Miêu	46426	Con đẻ liệt sĩ	Kinh	Nam Phước		1	
11	XÃ NGUYỄN NGHIÊM							2	6	
229	Đặng Lịch (Lệ)	1954			Thương binh, Tù đầy	Kinh	Thôn Hùng Nghĩa	1		
230	Nguyễn Văn Thuỷ	1950			Thương binh, Bệnh binh	Kinh	Thôn Tân Sơn	1		
231	Trương Thị Xuân	1969	Trương Thị Xuân		Con Liệt sĩ	Kinh	Thôn Vạn Trung		1	
232	Lê Tiến Dũng	1963			Thương binh	Kinh	Thôn Vạn Trung		1	
233	Đặng Văn Lâu	1958			Thương binh	Kinh	Thôn Vạn Trung		1	
234	Nguyễn Thị Ba	1960	Nguyễn Thị Ba		Con Liệt sĩ	Kinh	Thôn Nhơn Bích		1	
235	Lê Thị Hai	1969	Lê Thị Hai		Con Liệt sĩ	Kinh	Thôn An Tây Điền		1	
236	Thạch Thị Hoa	1965	Thạch Thị Hoa		Con Liệt sĩ	Kinh	Thôn An Tây Điền		1	

12	PHƯỜNG SA HUỖNH							4	4	
237	Phạm Thị Quýt	10/09/1954	Phạm Thị Quýt	58674	Thương binh	Kinh	TDP La Vân	1		
238	Phạm Trọng Hiếu	19/08/1943	Phạm Trọng Hiếu	132086	Thương binh	Kinh	TDP Tân Diêm		1	
239	Trần Văn Phênh	04/02/1944	Trần Văn Phênh	137017	Thương binh	Kinh	TDP Thạnh Đức 1		1	
240	Nguyễn Văn Độ	22733	Nguyễn Văn Độ	3623	Thương binh	Kinh	TDP Thạnh Đức 1		1	
241	Nguyễn Hằng	10/04/1940	Nguyễn Hằng	9875	Thương binh	Kinh	TDP Thạnh Đức 2		1	
242	Nguyễn Gắng	20/02/1945	Nguyễn Gắng	86732	Tù đầy	Kinh	TDP Thạnh Đức 2	1		
243	Phạm Mẫn	10/02/1959	Phạm Mẫn	37345	Con Liệt sĩ	Kinh	TDP Thạch By 1	1		
244	Võ Thị Cọt	17273	Võ Thị Cọt	133925	Thương binh	Kinh	TDP Hưng Long	1		
13	XÃ SON HẠ							7	3	
245	Đinh Thị Lạc	1973	Đinh Thị Lạc	14288-NB/LS	Con Liệt sĩ Đinh Buông	Hre	Thôn Kà Tu	1		
246	Đinh Sên	1963	Đinh Sên	NB/LS-14279	Con của liệt sĩ Đinh A Lin	Hre	Thôn Đồng Reng	1		
247	Đinh K Lếch	1946	Đinh Thị Phe	NB/LS-48089	Con Liệt sĩ Đinh Nốt	Hre	Thôn Hà Bắc	1		
248	Đinh Rênh	1972	Đinh Rênh	NB/LS-14287	Con Liệt sĩ Đinh Lâm	Hre	Thôn Hà Bắc	1		
249	Nguyễn Lam Sơn	1962	Nguyễn Lam Sơn	70344	Thương binh	Kinh	Thôn Đèo Gió		1	
250	Châu Thị Ngộ	1933	Châu Thị Ngộ	1013	Thương binh; Tù đầy; NCC	Kinh	Thôn Gò Rinh		1	
251	Nguyễn Thị Thận	1951	Nguyễn Thị Thận	144004	Thương binh	Kinh	Thôn Gò Rinh	1		
252	Đinh Văn Ốp	1953	Đinh Văn Ốp	21	Bệnh binh	Hre	Thôn Gò Chu		1	
253	Nguyễn Ngọc Khởi	1964	Nguyễn Ngọc Khởi	QN/LS-3031	Con Liệt sĩ Nguyễn Việt Giám	Kinh	Thôn Xà Nay	1		
254	Đinh Văn Ôn	1955	Đinh Thị Nủ	QN/LS-4984	Con Liệt sĩ Đinh Văn Càn	Hre	Thôn Bầu Sơn	1		
14	XÃ SON LINH							4	1	
255	Đinh Văn Piên	19758		Đinh Văn Piên	Thương binh 42%	H'rê	Thôn Làng Trá		1	
256	Đinh Văn Eo	19423		Đinh Văn Eo	Bệnh binh 45%	H'rê	Thôn Làng Mon	1		

257	Đinh Phon	20515		Đinh Phon	Thương binh 21%	H'rê	Thôn Làng Mon	1		
258	Đinh Văn Trúa	19360		Đinh Văn Trúa	Bệnh binh 51%	H'rê	Thôn Đồng Sạ	1		
259	Đinh Văn Hê	20100		Đinh Văn Hê	Bệnh binh 51%	H'rê	Thôn Đồng Sạ	1		
15	XÃ SON TÂY THUƠNG							1	0	
260	Đinh Văn Ca	1950		70276	Bệnh binh	KDong	Huy Ra Long	1		
16	XÃ SON TỊNH							12	16	
261	Nguyễn Tấn Đồng	1959	Nguyễn Tấn Đồng	138322	Thương binh	Kinh	Bình Thọ		1	
262	Tạ Nhơn	1938	Tạ Nhơn	67100	Thương binh	Kinh	Bình Thọ		1	
263	Bùi Thị Tiểu	1957	Bùi Thị Tiểu	139486	Thương binh	Kinh	Phước Lộc Đông		1	
264	Ngô Văn Thơ	1955	Ngô Văn Thơ	45708	Thương binh	Kinh	Phước Lộc Tây		1	
265	Nguyễn Văn Chuẩn	1960	Nguyễn Văn Chuẩn	128215	Thương binh	Kinh	An Thọ	1		
266	Đỗ Thị Thuý Liễu	1955	Đỗ Thị Thuý Liễu	85421	Thương binh	Kinh	An Thọ	1		
267	Trần Văn Hân	1956	Trần Văn Hân	2408	Thương binh	Kinh	An Thọ		1	
268	Nguyễn Minh Tâm	1954	Nguyễn Minh Tâm	126046	Thương binh	Kinh	Diên Niên		1	
269	Phạm Tấn Minh	1948	Phạm Tấn Minh	120426	Thương binh	Kinh	Diên Niên	1		
270	Lê Thị Thuận	1940	Lê Thị Thuận		CCCM	Kinh	Bình Bắc	1		
271	Nguyễn Thuật	1950	Nguyễn Thuật	83900	Thương binh	Kinh	Bình Bắc		1	
272	Lê Văn Bình	1941	Lê Văn Bình	15409	Thương binh	Kinh	Bình Bắc	1		
273	Huỳnh Sửu	1928	Huỳnh Sửu	138450	Thương binh	Kinh	Bình Đông		1	
274	Phan Văn Minh	1950	Phan Văn Minh	138444	Thương binh	Kinh	Bình Đông		1	
275	Nguyễn Thị Thọ	1950	Nguyễn Thị Thọ	30616	Thương binh	Kinh	Bình Đông		1	
276	Lê Văn Nam	1963	Lê Văn Nam	57113	LSND	Kinh	Bình Đông	1		
277	Nguyễn Duy Trinh	1952	Nguyễn Duy Trinh	75909	Thương binh	Kinh	Bình Đông	1		
278	Trần Văn Đồng	1947	Trần Văn Đồng	67001	Thương binh	Kinh	Bình Đông	1		
279	Bùi Tấn Đạt	1951	Bùi Tấn Đạt	67315	Thương binh	Kinh	Bình Nam		1	
280	Mai Thị Lin	1948	Mai Thị Lin	138521	Thương binh	Kinh	Bình Nam	1		
281	Nguyễn Đồng	1926	Nguyễn Đồng	4755	Thương binh	Kinh	Bình Nam		1	
282	Lê Thị Hoa	1953	Lê Thị Hoa	131312	Thương binh	Kinh	Bình Nam	1		
283	Lê Văn Khánh	1938	Lê Văn Khánh	64813	Thương binh	Kinh	Bình Nam		1	
284	Võ Toàn	1940	Võ Toàn	135838	Thương binh	Kinh	Bình Nam	1		
285	Nguyễn Thị Thọ	1951	Nguyễn Thị Thọ	128240	Thương binh	Kinh	Bình Nam	1		
286	Đặng Thị Hợi	1951	Đặng Thị Hợi	23	Thương binh	Kinh	Bình Nam		1	
287	Đỗ Văn Lâm	1954	Đỗ Văn Lâm	133786	Thương binh	Kinh	Bình Nam		1	
288	Nguyễn Ngọc Liên	1950	Nguyễn Ngọc Liên	134201	Thương binh	Kinh	Bình Nam		1	
17	XÃ TỊNH KHÊ							1	5	
289	Nguyễn Thị Hợi	1935	Nguyễn Thị Hợi	57201	Mẹ Liệt sĩ	Kinh	Thôn Kim Lộc		1	
290	Nguyễn Thị Tân	1936	Nguyễn Thị Tân	628	Vợ Liệt sĩ	Kinh	Thôn Tư Cung		1	
291	Nguyễn Thị Diễm	1934	Nguyễn Thị Diễm	22741	Vợ Liệt sĩ	Kinh	Thôn Phú Vinh	1		
292	Đỗ Thị Ba	1955	Đỗ Thị Ba	49074	Thương binh	Kinh	Thôn Long Thành		1	

293	Võ Thị Nhung	1941	Võ Thị Nhung	46958	Vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn Long Thành		1	
294	Đỗ Văn Đô	1966	Đỗ Văn Đô		Con liệt sĩ	kinh	Thôn Khánh Lâm		1	
18	XÃ TRÀ GIANG							11	46	
295	Đoàn Văn Thu	1958		85407	Thương binh, Mất sức	Kinh	An Cư		1	
296	Bùi Thị Thắm	1944		94743	Tù đầy	Kinh	An Cư		1	
297	Nguyễn Hồng Sơn	1959	Nguyễn Hồng Sơn	19661	Con liệt sĩ	Kinh	An Cư		1	
298	Mai Thị Lệ	1942	Mai Thị Lệ	6731	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Cư	1		
299	Trần Thị Gọn	1967	Trần Thị Gọn	6314	Con liệt sĩ	Kinh	An Cư	1		
300	Lê Thị Hùng	1945	Lê Thị Hùng	26582	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Cư		1	
301	Lê Thị Nhung	1968	Lê Thị Nhung	48001	Con liệt sĩ	Kinh	An Cư		1	
302	Cao Văn Chính	1968	Cao Văn Chính	3473	Con liệt sĩ	Kinh	An Lạc	1		
303	Trần Thị Lại	1931		107011	Tù đầy	Kinh	An Lạc		1	
304	Trần Thị Lai	1938		51163	Thương binh	Kinh	An Lạc		1	
305	Phạm Thị Minh Tâm	1953		132065	Thương binh, con liệt sĩ	Kinh	An Lạc		1	
306	Lê Thị Nam	1958	Lê Thị Nam	6132	Con liệt sĩ	Kinh	An Lạc	1		
307	Nguyễn Thị Kim Cúc	1951		30725 QN/AQ	Thương binh	Kinh	An Lạc		1	
308	Nguyễn Thị Lý	1940		46 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Nhơn	1		
309	Bùi Thị Đi	1954		85552 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Nhơn		1	
310	Trần Thị Phương	1954		137076 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Nhơn		1	
311	Nguyễn Thị Ba	1947	Nguyễn Thị Ba	19452	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Nhơn		1	
312	Nguyễn Tấn Đốc	1964	Nguyễn Tấn Đốc	1993	Con liệt sĩ	Kinh	An Nhơn		1	
313	Phạm Văn Quới	1952	Phạm Văn Quới	47989	Con liệt sĩ	Kinh	An Nhơn		1	
314	Ngô Thị Tâm	1968	Ngô Thị Tâm	40653	Con liệt sĩ	Kinh	An Nhơn		1	
315	Trần Lăng	1945		138881 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Nhơn	1		
316	Bùi Thị Mai Trâm	1970	Bùi Thị Mai Trâm	54	Con liệt sĩ	Kinh	An Nhơn	1		
317	Đoàn Thị Xảo	1946		9936 NB/AQ	Thương binh	Kinh	An Nhơn		1	
318	Võ Văn Tiên	1964	Võ Văn Tiên	1464	Con liệt sĩ	Kinh	An Nhơn		1	
319	Nguyễn Thị Cánh	1942		19	Chất độc hóa học	Kinh	An Nhơn		1	
320	Nguyễn Biểu	1968	Nguyễn Biểu	2057	Con liệt sĩ	Kinh	An Nhơn		1	
321	Nguyễn Tấn Hoàng	1964	Nguyễn Tấn Hoàng	5742	Con liệt sĩ	Kinh	An Hòa Bắc		1	
322	Trần Thị Còn	1936	Trần Thị Còn	51851	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Hòa Bắc		1	
323	Tô Thanh Hùng	1958	Tô Thanh Hùng	19401	Con liệt sĩ	Kinh	An Hòa Bắc		1	
324	Nguyễn Chí Linh	1954		1954	Chất độc hóa học	Kinh	An Hòa Bắc		1	
325	Vũ Tấn Tờ	1956		127498 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Hòa Bắc		1	

326	Phạm Nhuệ	1932		25092 NB/CK	Thương binh	Kinh	An Hòa Bắc		1	
327	Đinh Thị Phội	1954		127872 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Hòa Nam	1		
328	Lê Thị Hồng	1958		132433 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Hòa Nam		1	
329	Võ Thị Lan		Võ Thị Lan	2045	Con liệt sĩ	Kinh	An Hòa Nam		1	
330	Võ Thị Mai	1952		69349	Tù đầy	Kinh	An Hòa Nam	1		
331	Võ Thị Thọ	1948		38159 NB/CK	Thương binh	Kinh	An Hòa Nam		1	
332	Lê Thanh Tòa	1953		135683 QN/CK	Thương binh	Kinh	An Hòa Nam		1	
333	Nguyễn Thị Kim Vân	1968	Nguyễn Thị Kim Vân	32020	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng	1		
334	Võ Thị Thuần	1944	Võ Thị Thuần	47990	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
335	Phạm Thị Thú	1940	Phạm Thị Thú	6641	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
336	Lê Văn Hai	1962	Lê Văn Hai	759	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
337	Lê Thị Thiết	1956		106981	Tù đầy	Kinh	An Tráng		1	
338	Nguyễn Thanh	1968	Nguyễn Thanh	19452	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
339	Nguyễn Tấn Tài	1960		106884	Tù đầy	Kinh	An Tráng		1	
340	Huỳnh Thị Tư	1937	Huỳnh Thị Tư	2016	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Tráng	1		
341	Lê Tư	1937		53	Chất độc hóa học	Kinh	An Tráng		1	
342	Nguyễn Thị Hồng	1921	Nguyễn Thị Hồng	27289 NB/LS	Người nuôi liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng	Kinh	An Tráng		1	
343	Đỗ Thị Vân	1957	Đỗ Thị Vân	6030	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
344	Nguyễn Hải	1960	Nguyễn Hải	6325	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
345	Lê Sơn	1966	Lê Sơn	1411	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
346	Trần Bảng	1963	Trần Bảng	4950	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
347	Bùi Thị Linh	1941		69342	Tù đầy	Kinh	An Tráng		1	
348	Nguyễn Văn Thanh	1969	Nguyễn Văn Thanh	123	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
349	Nguyễn Hữu Long	1960	Nguyễn Hữu Long	472	Con liệt sĩ	Kinh	An Tráng		1	
350	Nguyễn Thị Công	1947		62260	Thương binh	Kinh	An Tráng		1	
351	Nguyễn Thị Liễu	1948		27867 QN/AQ	Thương binh	Kinh	An Tráng		1	
19 PHƯỜNG TRƯỜNG QUANG TRỌNG								1	1	
352	Nguyễn Thị Côi				TB 3/4 (42%), CĐHH, Con Liệt sĩ		338/5 Nguyễn Văn Linh, TDP Trường Thọ Tây B		1	
353	Kiều Trung Dũng				Người hoạt động kháng chiến		TDP Ân Phú	1		
20 XÃ VẠN TƯỜNG								1	8	
354	Nguyễn Thị Nhân	1955	Nguyễn Thị Nhân	132278	Thương binh	Kinh	thôn Sơn Trà	1		
355	Nguyễn Thị Xứng	1932	Nguyễn Thị Xứng	130020	Thương binh	Kinh	thôn Tân Hy 1		1	

356	Phạm Thanh Long	1948	Nguyễn Thị Xiêm	70026	Tù đầy	Kinh	thôn Tân Hy 1		1	
357	Võ Thanh Sâm	1953	Võ Thanh Sâm	70754	Tù đầy	Kinh	thôn Đông Lỗ		1	
358	Bùi Thị Thu	1943	Bùi Thị Thu	10199	Tù đầy	Kinh	thôn An Cường		1	
359	Lê Văn Thu	1965	Lê Văn Thu	2710	Con Liệt Sĩ	Kinh	thôn An Cường		1	
360	Nguyễn Thị Tổng	1941	Nguyễn Thị Tổng	961	Tù đầy	Kinh	thôn Tân Hy 1		1	
361	Nguyễn Thành	1966	Nguyễn Thành	13942	Thương binh	Kinh	thôn 3		1	
362	Trần Luật	1957	Trần Luật	137036	Thương binh	Kinh	thôn Phú Long 1		1	
21	XÃ ĐẮK HÀ							0	2	
363	Phan Thị Xuân	1952		0879	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH	Kinh	Thôn Đăk Hà 10		1	
364	Thiều Thanh Bình	1956		0495	Bệnh binh	Kinh	Thôn Đăk Hà 3		1	
22	PHƯỜNG KON TUM							1	6	
365	Y Xôi	15/10/1946		103502	Thương binh suy giảm KNLD 21%	Xơ đăng	12 Bùi Xuân Phái		1	
366	Hoàng Thanh Thế	20/05/1959		34289	Thương binh suy giảm KNLD 31%	Kinh	109 Trường Chinh	1		
367	A Bằng	30/4/1950		14092; 668	Thương binh suy giảm KNLD 21%; Bị mắc bệnh suy giảm KNLD từ 41% - 60%	Sơ Rá	312 Thi Sách		1	
368	A Chi	01/01/1947		282	Thương binh suy giảm KNLD từ 81% trở lên có VT ĐB nặng	Xơ đăng	161 Đồng Đa		1	
369	A Neo	01/01/1955		1010	Thương binh suy giảm KNLD từ 81% trở lên	Mơ Năm	187 Trần Phú		1	
370	Mai Thị Phúc	30/04/1956		114742	Thương binh suy giảm KNLD 24%	Kinh	626 Hùng Vương		1	
371	Nguyễn Thái Hòa	28/10/1954		17435	Thương binh suy giảm KNLD 62%	Kinh	161 Lạc Long Quân		1	
23	XÃ ĐẮK KÔI							3	0	
372	Y Vang	20821		1748	Bệnh binh	Xê đăng	Thôn Tea Reang	1		
373	A Dương	18264		1753	Bệnh binh	Xê đăng	Thôn Tu Rơ Bông	1		
374	Đinh Văn Rô (A Rô)	15/10/1958		089	Bệnh binh	Xê đăng	Thôn Kon Rlong	1		
24	XÃ KON PLÔNG							2	2	
375	Y Nay	1945		3617B	NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCĐ	Ca Dong	Thôn Điek Tà Âu	1		
376	Y Mố	1944		3147	NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCĐ	Ca Dong	Thôn Điek Kua	1		
377	Y Ru	1957		3596	NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCĐ	Ca Dong	Thôn Điek Tem		1	
378	Đinh Hồng Gió	1954	A Rong	324	Con liệt sĩ	Mơ Năm	Thôn Vi Glong		1	
25	XÃ ĐẮK UI							0	6	

379	Nguyễn Bá Lạch	1950		607	NCC GĐCM	Kinh	Thôn Đoàn Kết		1	
380	Nguyễn Hữu Khanh	1958	Nguyễn Hữu Khanh	2096	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Đăk Lợi		1	
381	Tạ Hùng Yên	1946		1045	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ	Kinh	Thôn Đăk Tin		1	
382	Nguyễn Văn Chiến	1964	Nguyễn Văn Chiến		Thờ cúng liệt sĩ	Kinh	Thôn 8		1	
383	Nguyễn Thị Gái	1954			Thương binh suy giảm KNLĐ	Kinh	Thôn Đoàn Kết		1	
384	Hà Văn Thế	1944			Thương binh suy giảm KNLĐ	Thái	Thôn Thanh Xuân		1	
26	XÃ SA THẦY							1	2	
385	Phạm Quang Bình	1954	Phạm Quang Bình	66274	Thương binh	Kinh	Thôn 1		1	
386	Nguyễn Đức Tài	1954	Nguyễn Đức Tài	19277	Bệnh binh	Kinh	Thôn 1		1	
387	Nguyễn Duy Cảnh	1982	Nguyễn Đức Thông	70; 0687; 03176	Thương binh, Bệnh binh, NCC	Kinh	Thôn Sa Sơn 1	1		
27	XÃ ĐẮK PLÔ							4	0	
388	Y Von		Y Von	6467		Gié - Triêng	Đông Nay	1		
389	Y Mờ		Y Mờ	140356		Gié - Triêng	Bung Koong	1		
390	Y Ta		Y Ta	632		Gié - Triêng	Bung Koong	1		
391	A CRôr		A CRôr	902A		Gié - Triêng	Bung Tôn	1		
28	XÃ BA GIA							7	19	
392	Võ Tấn Quân	18921	Võ Tấn Quân	137367	Thương binh 24%	Kinh	Đức Sơn		1	
393	Nguyễn Văn Bình	19499	Nguyễn Tấn Danh	3522	Thương binh 36%; Bệnh binh 61%	Kinh	Đức Sơn	1		
394	Lương Đình Tài	17728	Lương Đình Tài	60564	Thương binh 36%	Kinh	Khánh Mỹ		1	
395	Đỗ Quang Trung	23543	Đỗ Quang Trung	5892	Con liệt sĩ Đỗ Lâm	Kinh	Minh Mỹ		1	
396	Trần Đình Nhung	23076	Trần Đình Nhung	114907	Thương binh 25%	Kinh	Minh Xuân		1	
397	Tạ Thị Phương	20643	Tạ Thị Phương	144041	Thương binh 30%	Kinh	Mỹ Danh	1		
398	Bùi Minh Dũng	00/00/1985	Nguyễn Thị Bích Ngọc	127787	Thương binh 44%	Kinh	Mỹ Danh		1	
399	Bùi Thị Nhung	23848	Bùi Thị Nhung	6442	Con liệt sĩ Bùi Hề	Kinh	Phú Thành		1	
400	Lê Thị Ái	15747	Lê Thị Ái	137141	Thương binh 21%	Kinh	Thạch Nội		1	
401	Phạm Minh Lập	19643	Phạm Minh Lập	120618	Thương binh 28%	Kinh	Thạch Nội		1	
402	Bùi Thanh Hồng	00/00/1949	Bùi Thanh Hồng	130226	Thương binh 32%	Kinh	Thạch Nội		1	
403	Nguyễn Tấn Quý	19393	Nguyễn Tấn Quý	122260	Thương binh 24%	Kinh	Thạch Nội		1	
404	Trịnh Kim Sỹ	23548	Lê Thị Nguyệt	6156	Con đẻ liệt sĩ Trần Thị Vui	Kinh	Trà Bình	1		
405	Phạm Việt Anh	13820	Phạm Việt Anh	0	Thương binh 41%	Kinh	Trà Bình	1		
406	Thới Công Hùng	20271	Thới Công Hùng	124678	Thương binh 44%	Kinh	Trà Bình		1	
407	Nguyễn Thị Hồng	13306	Nguyễn Thị Hồng	99824	Tù đầy	Kinh	Vĩnh Tuy	1		
408	Lê Thị Thòa	15096	Lê Thị Thòa	4832	Vợ liệt sĩ Đinh Văn Lân	Kinh	Vĩnh Tuy		1	
409	Phạm Thuận	13306	Trịnh Thị Liễu	6116	Con đẻ liệt sỹ Trịnh Cựơc	Kinh	Vĩnh Tuy		1	
410	Phan Thị Minh Trung	19073	Phan Thị Minh Trung	7847	Thương binh 41%	Kinh	Vĩnh Tuy		1	
411	Đỗ Đình Quyên	14996	Nguyễn Thị Bồi	78744	Thương binh 21%	Kinh	Vĩnh Tuy		1	
412	Nguyễn Tấn Đức	05/10/1958	Nguyễn Tấn Đức	7412	Con đẻ Liệt sĩ Nguyễn Hộ	Kinh	Xuân Mỹ		1	

413	Đình Thuận	01/03/1957	Nguyễn Thị Đoàn	6082	Con đẻ liệt sĩ Nguyễn Phương Phó	Kinh	Phú Thành		1	
414	Phạm Thị Liên	20861	Phạm Thị Liên	137378	Thương Binh 21%	Kinh	Thạch Nội	1		
415	Phạm Đình Qua	19642	Phạm Đình Qua	4780	Thương binh 22%	Kinh	Thạch Nội	1		
416	Huỳnh Văn Ngải	17019	Huỳnh Văn Ngải	443	Bệnh binh 61%	Kinh	Thạch Nội		1	
417	Phạm Văn Huynh (Phạm Quang Tâm)	22891	Phạm Văn Huynh (Phạm Quang Tâm)	44619	Con liệt sĩ Phạm Văn Thuần	Kinh	Mỹ Danh		1	
29	XÃ TRƯỜNG GIANG							1	2	
418	Lâm Đình Thân	07/10/1944		QN/LS 580	Con đẻ LS Lâm Văn Xiêm	Kinh	Đồng Nhơn Bắc		1	
419	Nguyễn Thị Bài	10/02/1940		56418	Thương binh 43%	Kinh	thôn An Bình	1		
420	Nguyễn Thị Xuân	19338		5908	NCC giúp đỡ cách mạng	kinh	Thôn Minh Trung		1	
30	XÃ PHƯỚC GIANG							4	6	
421	Trương Văn Tiến	1978	Đặng Thị Ba	8896	Vợ Liệt sĩ	kinh	Thôn An Phước		1	
422	Lê Thị Mai	1933	Lê Thị Mai	56958	Vợ Liệt sĩ	kinh	Thôn An Phước		1	
423	Nguyễn Hồng Nhân (Nguyễn Hai)	1954		46692	Thương binh 4/4	kinh	Thôn An Hòa	1		
424	Huỳnh Văn Tiền	1957		138560	Thương binh 4/4	kinh	Thôn An Tân	1		
425	Huỳnh Văn Giảng	1947		7524	Người HĐCM hoặc HĐKC bị địch bắt tù đầy	kinh	Thôn An Định		1	
426	Huỳnh Phúc	1974	Nguyễn Thị Thanh	30633	Mẹ Liệt sĩ	kinh	Thôn An Định		1	
427	Nguyễn Hồng Mao	1954		76284	Thương binh 3/4	kinh	Thôn Đồng Vinh	1		
428	Bùi Thị Cúc	1931		135395	Thương binh 3/4	kinh	Thôn Đồng Vinh		1	
429	Phạm Lương Ôn	1954	Nguyễn Thị Đào	128105	Thương binh 3/4	kinh	Thôn Kim Thành Thượng		1	
430	Tiêu Tuận	1956		9570	Thương binh 2/4	kinh	Thôn Tân Lập	1		
31	PHƯỜNG CẨM THÀNH							3	1	
431	Từ Kim Dũng	1953	Từ Kim Dũng	57267	Con nuôi LS Từ Ty được pháp luật công nhận	Kinh	Tổ 14		1	
432	Nguyễn Thị Hồng	1954	Nguyễn Thị Hồng	29457	Thương binh 52%	Kinh	Tổ 21	1		
433	Cao Thị Hồng Hoa	1954	Cao Thị Hồng Hoa	120708	Thương binh 37%	Kinh	Tổ 11	1		
434	Nguyễn Minh Lâm	1956	Nguyễn Minh Lâm	114928	Thương binh 26%	Kinh	Tổ 24	1		
32	XÃ LONG PHỤNG							12	77	
435	Võ Thị Cận	1958		52409	Tuất liệt sĩ	kinh	thôn 1		1	
436	Trần Thị Lợi	1936		2146	tù đầy	kinh	thôn 1	1		
437	Trần Thị Diện (Trần Thị Thanh Diện)	1947		846	CĐHH	kinh	thôn 1	1		
438	Trần Thị Liệu	1954		45649	Suy giảm KNLĐ	kinh	thôn 1		1	
439	Lê Mỹ Minh	1954		11150	thương binh	kinh	thôn 1		1	
440	Nguyễn Đình Tuấn	1965		36929	thương binh	kinh	thôn 1		1	
441	Võ Văn Sinh	1968		53844	con Liệt sĩ	kinh	thôn 1		1	
442	Nguyễn Thị Hoa	1968		55173	con Liệt sĩ	kinh	thôn 2		1	
443	Lê Thị Tiến	1952		47744	Thương binh	kinh	thôn 2		1	

444	Nguyễn Thị Lợi	1968		13960	con đẻ LS	kinh	Thôn 2		1	
445	Trần Thị Sỹ	1946		52705	thương binh	kinh	thôn 4		1	
446	Phạm Ngọc Hải	1950		90168	NCC GĐCM	kinh	thôn 4		1	
447	Phạm Thị Liệp	1928		13543	Tuất liệt sĩ	kinh	thôn 4		1	
448	Nguyễn Thị Thu Hà	1955		11756	con Liệt sĩ	kinh	thôn 5		1	
449	Nguyễn Thị Mậu (Hân)	1932		14002	con Liệt sĩ	kinh	thôn 6		1	
450	Trần Thị Tiến	1946		9752	thương binh	kinh	thôn 6		1	
451	Huỳnh Tấn Lực	1953		120728	thương binh	kinh	thôn 6		1	
452	Lương Thị Minh Liên	1954		133818	thương binh	kinh	thôn 6		1	
453	Nguyễn Thị Xuân Hồng	1954		124647	thương binh	kinh	thôn 6		1	
454	Trần Lợi	1954		124646	thương binh	kinh	thôn 6		1	
455	Phạm Ngọc Đài	1955		1390	thương binh	kinh	thôn 6		1	
456	Bùi Xuân Thân	1956		112152	thương binh	kinh	thôn 6		1	
457	Bùi Ngọc Anh	1957		46688	thương binh	kinh	thôn 6		1	
458	Nguyễn Thị Nhường	1967		27654	con Liệt sĩ	kinh	thôn 6		1	
459	Phạm Bá Quyết	1934		64604	thương binh	kinh	thôn 6		1	
460	Nguyễn Thị Nhường	1966		13826	Tuất liệt sĩ	kinh	thôn 6		1	
461	Trần Thị Loan	1952		10442	NCC GĐCM	kinh	thôn 6		1	
462	Lê Thị Con	1931		27626	Tuất 1 liệt sĩ	kinh	thôn 6		1	
463	Trần Tài	1965		11758	con Liệt sĩ	kinh	thôn 6		1	
464	Nguyễn Thị Thảo	1941		28022	Tuất liệt sĩ	kinh	thôn 7		1	
465	Trần Ngọc Thắng	1954		36121	thương binh	kinh	thôn 7		1	
466	Nguyễn Thị Tròn	1934		8989	NCC GĐCM	kinh	thôn 7		1	
467	Bùi Thị Thanh Hoa	1954		67576	thương binh	kinh	thôn 8		1	
468	Nguyễn Thị Nhung	1930		13574	vợ liệt sĩ	kinh	thôn 8		1	
469	Nguyễn Lợi	1928		7027	NCC GĐCM	kinh	thôn 8		1	
470	Nguyễn Văn Nhảy	1942		294	bệnh binh	kinh	thôn tân định		1	
471	Nguyễn Thị Viên	1945		26851	thương binh	kinh	thôn tân định	1		
472	Lê Tuấn Thanh	1956		597	thương binh	kinh	thôn tân định		1	
473	Huỳnh Nghĩa (Huỳnh Trọng Nghĩa)	1954		9182	NCC GĐCM	kinh	thôn Tân Định	1		
474	Trần Chút	1955		115010	thương binh	kinh	thôn Tân Định		1	
475	Trần Thị Ánh Tuyết	1956		114045	thương binh	kinh	thôn An tỉnh		1	
476	Lê Mỹ Chim	1951		79397	thương binh	kinh	thôn gia hòa		1	
477	Nguyễn Văn Đi	1954		85707	thương binh	kinh	thôn gia hòa	1		
478	Nguyễn Văn Ni	1957		68291	thương binh	kinh	thôn gia hòa		1	
479	Trần Thị Cẩn	1939		134025	thương binh	kinh	thôn gia hòa		1	
480	Lý Quốc Tân	1944		2552	NCC GĐCM	kinh	thôn gia hòa		1	
481	Lê Miền	1963		12177	thương binh	kinh	thôn thanh long		1	

482	Trần Thị Tạo	1953		59910	NCC GĐCM	kinh	thôn Thanh Long	1		
483	Trần Sinh	1950		27695	con liệt sĩ	kinh	thôn thanh long	1		
484	Lê Mỹ Chung	1967		13966	con Liệt sĩ	kinh	thôn Dương Quang		1	
485	Nguyễn Thị Bung	1968		977	con liệt sĩ	kinh	thôn Dương Quang		1	
486	Nguyễn Thị Hết	1964		33922	con Liệt sĩ	kinh	thôn Dương Quang		1	
487	Nguyễn Thị Diệu (Dạn)	1960		33922	Con LS	kinh	thôn dương quang		1	
488	Lê Mỹ Đờ	1966		28037	Con LS	kinh	thôn dương quang		1	
489	Lê Mỹ Sương	1971		28037	Con LS	kinh	thôn dương quang		1	
490	Lê Thị Thủy	1966		941	Con LS	kinh	thôn dương quang		1	
491	Phạm Duy Vương	1989		108708	thương binh	kinh	thôn mỹ khánh		1	
492	Đỗ Văn Minh	1971		27941	con liệt sĩ	kinh	thôn Mỹ Khánh		1	
493	Đỗ Cư	1963		27941	con liệt sĩ	kinh	thôn Mỹ Khánh		1	
494	Nguyễn Thị Tròn	1947		2376	NCC GĐCM	kinh	thôn Mỹ Khánh		1	
495	Trần Thị Tuyết (Tài)	1950		998	NCC GĐCM	kinh	thôn Mỹ Khánh		1	
496	Nguyễn Thị Á	1946		27680	con Liệt sĩ	kinh	thôn Mỹ Khánh		1	
497	Lê Thị Nhỏ	1945		123401	thương binh	kinh	thôn An Mô	1		
498	Lê Thị Hồng Loan	1956		47564	Thương binh	kinh	thôn an mô		1	
499	Ngô Thị Thúy Nghi	1955		112622	Thương binh	kinh	thôn kỳ tân		1	
500	Nguyễn Ngọc Thành	1960		63431	Thương binh	kinh	thôn Kỳ tân	1		
501	Chế Thị Hường	1949		4977	CC GĐCM	kinh	thôn kỳ tân		1	
502	Lê Thị Huân	1959		5506	Tuất LS	kinh	thôn Phú an		1	
503	Lê Văn Ba	1942		9490	Thương binh	kinh	thôn Phú an		1	
504	Võ Văn Hành	1956		2409	con Liệt sĩ	kinh	thôn Phú an		1	
505	Đinh Thị Hậu	1941		14022	con Liệt sĩ	kinh	thôn Phú an		1	
506	Đinh Văn Tám	1964		2426	con Liệt sĩ	kinh	thôn Phú an		1	
507	Trương Thương	1957		2882	con Liệt sĩ	kinh	thôn Phú an		1	
508	Phạm Xít	1962		4175	con Liệt sĩ	kinh	thôn Phú an		1	
509	Lê Lượng	1969		2398	con LS	kinh	thôn Phú an		1	
510	Lý Minh Thê	1950		708	thương binh	kinh	thôn Phú an		1	
511	Phan Tấn Văn	1969		2757	con LS	kinh	thôn Phú an		1	
512	Trần Văn Thái	1959		112324	thương binh	kinh	thôn Phú an		1	
513	Huỳnh Thị Cúc	1937		4281	thương binh	kinh	thôn Phú an	1		
514	Huỳnh Thị Tâm	1956		115642	thương binh	kinh	thôn Phú an	1		
515	Nguyễn Thị Chôn	1954		105130	thương binh	kinh	thôn Phú an		1	
516	Huỳnh Thị Mai	1945		461	thương binh	kinh	thôn Phú an		1	
517	Trần Văn Thái	1959		112324	thương binh	kinh	thôn Phú an		1	
518	Kiều Thanh Vân	1968		2874	Con Liệt sĩ	kinh	thôn Phú An	1		
519	Trịnh Trang	1936		401	thương binh	kinh	thôn Phước Sơn		1	
520	Lê Thanh Minh	1962		112323	thương binh	kinh	thôn Phước Sơn		1	

521	Lê Thị Hiền	1956		131876	thương binh	kinh	thôn Phước Sơn		1	
522	Bùi Thị Hương	1956		10896	thương binh	kinh	thôn Phước Sơn		1	
523	Lê Hồng Phong	1958		112322	thương binh	kinh	thôn nghĩa lập		1	
33	XÃ ĐÔNG SƠN							23	35	
524	Võ Duy Luân	1959	Nguyễn Thị Chuốc	6608	Con liệt sĩ	Kinh	Phú Nhiêu 1	1		
525	Nguyễn Thị Hồng	1965			NCC GĐCM	Kinh	Phú Nhiêu 1	1		
526	Nguyễn Thị Lan	1959		12857	NCC GĐCM	Kinh	Phú Nhiêu 1		1	
527	Võ Thị Cam	1965	Võ Nguyên	19736	Con liệt sĩ	Kinh	Phú Nhiêu 1		1	
528	Võ Thị Định	1957	Phù Thị Hường	6621	Con liệt sĩ	Kinh	Phú Nhiêu 1		1	
529	Phạm Mẹo	1939		10549	NCC GĐCM	Kinh	Phú Nhiêu 2	1		
530	Võ Thị Thường	1961	Võ Đình Trà	43945	Con liệt sĩ	Kinh	Phú Nhiêu 2		1	
531	Trần Mẫn	1963	Trần Hương	53952	Con liệt sĩ	Kinh	Nhơn Hòa 2		1	
532	Bùi Phát	1970	Bùi Muôn	6561	Con liệt sĩ	Kinh	Liêm Quang		1	
533	Võ Thị Lụa	1966	Võ Ái	5351	Con liệt sĩ	Kinh	Liêm Quang	1		
534	Phạm Thị Bình	1925		100048	Tù đầy	Kinh	Nhơn Hòa 2		1	
535	Nguyễn Thị Vân	1940		132516	Thương binh	Kinh	An Thạnh		1	
536	Nguyễn Thị Thắm	1963	Nguyễn Thịnh	3560	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	
537	Bùi Văn Trực	1970	Bùi Tơ	19805	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	
538	Nguyễn Thị Tư	1965	Nguyễn Thịnh	3560	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	
539	Huỳnh Đình	1966	Huỳnh Đình Đình	26640	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	
540	Nguyễn Thị Yên	1968	Nguyễn Thắng	19806	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	
541	Bùi Thị Thanh	1973	Bùi Chánh	1493	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	
542	Nguyễn Thị Nguyệt	1953		131254	Thương binh	Kinh	Hòa Thuận		1	
543	Nguyễn Thị Vỵ	1943		949	NCC GĐCM	Kinh	Châu Bình	1		
544	Phan Thị Thơm	1967	Phan Mùi	3468	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Bình		1	
545	Đặng Khoan	1940			NCC GĐCM	Kinh	Châu Bình		1	
546	Bùi Đào	1962	Bùi Thương	39719	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Bình	1		
547	Nguyễn Giao	1964	Nguyễn Túy	35739	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Bình		1	
548	Đỗ Tiệp	1968	Đỗ Tuất	5406	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Me		1	
549	Trần Ảnh	1950		28831	Thương binh	Kinh	Định Tân	1		
550	Phạm Văn Toàn	1940		143599	Thương binh	Kinh	An Hải		1	
551	Lê Thị Thanh	1965	Nguyễn Lợi	39527	Con liệt sĩ	Kinh	An Hải		1	
552	Tiêu Văn Sanh	1953		8835	Thương binh	Kinh	Châu Thuận Nông		1	
553	Phạm Hùng Vương	1949		130136	Thương binh	Kinh	Châu Thuận Tây		1	
554	Nguyễn Thị Trung	1953		127907	Thương binh	Kinh	Tham Hội 3	1		
555	Nguyễn Ngọc Thiện	1950		3858	Bệnh binh	Kinh	Thạnh Thiện		1	
556	Phan Minh Lâm	1968	Phan Minh Thủy	19910	Con liệt sĩ	Kinh	Phú Nhiêu 2		1	
557	Nguyễn Thị Quế	1942		100092	Tù đầy	Kinh	An Thạnh	1		
558	Nguyễn Thị Hinh	1963	Huỳnh Thị Ngát	6610	Con liệt sĩ	Kinh	An Thạnh		1	

559	Bùi Thị Ngân	1928		143497	Thương binh	Kinh	An Thạnh	1		
560	Phan Nghĩa	1964	Phan Văn Cù	513	Con liệt sĩ	Kinh	Nhơn Hòa 1		1	
561	Bùi Thị Cơ	1941	Trần Ngọc Tráng	1385	Vợ liệt sĩ	Kinh	Xuân An	1		
562	Nguyễn Văn Ba	1964	Nguyễn Thục	57150	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Thuận Biển		1	
563	Phạm Hữu Thiết	1965	Phạm Mai	4055	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Me	1		
564	Lương Thị Kỳ	1935	Dương Văn Tồn	57	Vợ liệt sĩ	Kinh	An Hải	1		
565	Võ Thị Tư	1961	Võ Khiết	56771	Con liệt sĩ	Kinh	An Hải	1		
566	Nguyễn Thị An	1944		69706	Tù đầy	Kinh	Châu Thuận Nông		1	
567	Võ Ngọc Bé	1948		28921	Thương binh	Kinh	Châu Thuận Tây		1	
568	Trần Thị Hóa	1944		139384	Thương binh	Kinh	Phú Quý	1		
569	Nguyễn Đình Phụng	1952	Nguyễn Đình Lang	29897	Con liệt sĩ	Kinh	Phú Quý	1		
570	Nguyễn Quyên	1928		51944	Thương binh	Kinh	Tham Hội 3		1	
571	Phan Vinh	1972	Phan Văn Cù	513	Con liệt sĩ	Kinh	Nhơn Hòa 1		1	
572	Ngô Văn Thanh	1968	Ngô Liễn	6769	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Thuận Nông	1		
573	Võ Thị Nở	1954			NCC GĐCM	Kinh	Phú Nhiêu 1		1	
574	Bùi Tấn Công	1964	Bùi Đồi	17877	Con liệt sĩ	Kinh	Châu Thuận Biển	1		
575	Nguyễn Thị Hường	1955		139529	Thương binh	Kinh	Phú Nhiêu 2	1		
576	Phạm Thị Muôn	1942		6583	NCC GĐCM	Kinh	Phú Nhiêu 2	1		
577	Bùi Thanh Việt	1954		135650	Thương binh	Kinh	Châu Me		1	
578	Võ Văn Việt	1963	Võ Được	2154	Con liệt sĩ	Kinh	Trung Vinh	1		
579	Võ Văn Tuấn	1945		127723	Thương binh	Kinh	Châu Thuận Nông	1		
580	Bùi Thị Bạc	1953	Bùi Xâm	1098	Con liệt sĩ	Kinh	Tham Hội 1	1		
581	Ngô Văn Thông	1965	Ngô Âm	675	Con liệt sĩ	Kinh	Xuân Yên Tây		1	
34 XÃ ĐÌNH CƯƠNG								3	27	
582	Lương Thị Hường	10/10/1953	Cao Ngọc Hải	47265	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1	
583	Huỳnh Thị Chính	16/ 08/1953	Huỳnh Thị Chính	NB/KC 40823	Thương binh 2/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1	
584	Nguyễn Đình Thịnh	19759	Nguyễn Đình Thịnh	4037	con liệt sĩ	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1	
585	Lâm Thị Huân	28 /03 / 1953	Lâm Thị Huân	QN/CK143046	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1	
586	Bùi Thị Kim	20/10/1954	Bùi Thị Kim	NB/CK 31727	Thương binh 2/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 2		1	
587	Nguyễn Thị Khương	08/02/1958	Nguyễn Thị Khương	NB-57061	Con Liệt Sĩ	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 2	1		
588	Huỳnh Thị Ngọc Sáu	12/12/1954	Huỳnh Thị Ngọc Sáu	QN/CK 123317	Thương binh hạng 3/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 2		1	
589	Nguyễn Thị Miêu	17/8/1947	Nguyễn Thị Miêu	NB/CK 27360	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 2		1	
590	Đoàn Lụa	10/10/1956	Đoàn Lụa	9166	Thương binh hạng 3/4	Kinh	Thôn Xuân Vinh		1	
591	Lê Thị Sô	1/1/1945	Lê Thị Sô	QN/HH 361	CDHH	Kinh	Thôn Mỹ Hưng		1	
592	Bùi Văn Sáu	23/3/1946	Bùi Văn Sáu	QN/CK 68384	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn An Ba	1		
593	Trịnh Văn Bốn	27/10/1958	Trịnh Văn Bốn	7943	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn An Ba		1	
594	Huỳnh Tuôi	12/6/1962	Huỳnh Tuôi	QN/LS 4812	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Thuận Hòa		1	
595	Huỳnh Thống	10/10/1942	Huỳnh Thống	4852	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Xuân Ba		1	
596	Nguyễn Viết Như	03/1/1958	Nguyễn Viết Như	58585	Thương binh 3/4	Kinh	Thôn An Chi Tây		1	

597	Nguyễn Thị Lệ	03/5/1935	Nguyễn Thị Lệ	135622	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn An Chi Tây		1
598	Phan Trinh	10/5/1958	Phan Trinh	114920	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn An Chi Tây		1
599	Trần Thị Lừa	20/3/1941	Trần Thị Lừa	QĐ Số 1232 QĐ/CTN ngày 16/8/2012	Huân chương Kháng chiến chống Mỹ Hạng III	Kinh	Thôn Hòa Thọ		1
600	Nguyễn Ngọc Ba	03/01/1953	Nguyễn Ngọc Ba	QĐ Số 1334 QĐ/CTN ngày 10/8/2011	Huy chương kháng chiến chống Mỹ Hạng II	Kinh	Thôn Hòa Mỹ		1
601	Trần Duy Nhật	25/10/1958	Trần Duy Nhật	28293	Bệnh binh 2/3	Kinh	Thôn Hòa Mỹ		1
602	Nguyễn Hồng Lâm	01/1/1966	Nguyễn Hồng Lâm	QN/LS-924	con liệt sĩ	Kinh	Thôn Đề An		1
603	Đàm Chắt	11/9/1966	Đàm Chắt	1785	Thương binh 3/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1
604	Huỳnh Ngọc Khôi	26/3/1958	Huỳnh Ngọc Khôi	114917	Thương binh 4/4	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1
605	Huỳnh Thắng	#####	Huỳnh Thắng	2247	Con liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất liệt sĩ	Kinh	Thôn Kỳ Thọ Nam 1		1
606	Trần Tư	20/10/1950	Trần Tư	QN/LS 61	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Hòa Mỹ		1
607	Cao Thị Lợi	20/8/1942	Cao Thị Lợi	138297	Thương binh 4/4, vợ liệt sĩ	Kinh	Thôn An Chi Tây		1
608	Phạm Thị Hoa	16/2/1951	Phạm Thị Hoa	37709	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Hòa Vinh		1
609	Dương Văn Hòa	12/01/1958	Dương Văn Hòa	814	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Đề An		1
610	Huỳnh Thị Liễu	23/4/1965	Huỳnh Thị Liễu	NB/IS 8842	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Hòa Thọ	1	
611	Phan Văn Hậu	20/01/1954	Phan Văn Hậu	NB/LS 37731	Con liệt sĩ	Kinh	Thôn Đồng Xuân		1
35	PHƯỜNG TRÀ CẦU							1	11
612	Trần Văn Tư	1955		96541 QN/CK	Thương binh 41%	Kinh	TDP Phần Thát	1	
613	Nguyễn Ngọc Ba	1952		9072 B-NA	Thương binh 61%	Kinh	TDP Thiệp Sơn		1
614	Nguyễn Thị Nguyệt	1940		132181 QN/CK	Thương binh 41%	Kinh	TDP Thủy Triều		1
615	Phan Thị Thủy Màu	1954		127843 QN/CK	Thương binh 41%	Kinh	TDP Bàn An		1
616	Nguyễn Nuôi	1929		13 QN/BT	Tù đầy	Kinh	TDP An Định		1
617	Nguyễn Thị Kim Thiên	1953		132338	Thương binh 27%	Kinh	TDP Vùng 5		1
618	Huỳnh Bình	1948		137010 QN/CK	Thương binh 24%	Kinh	TDP Vùng 5		1
619	Nguyễn Công	1954		60516 QN/AQ	Thương binh 31%	Kinh	TDP An Thạch		1
620	Huỳnh Xứ	1942		85286 QN/CK	Thương binh 51%	Kinh	TDP An Thổ		1
621	Đinh Thị Út	1954		126289	Thương binh 32%	Kinh	TDP An Thổ		1
622	Nguyễn Thị Kim	1970	Nguyễn Thị Kim	26975	Con liệt sĩ	Kinh	TDP Hội An 1		1
623	Nguyễn Văn Tùng	1965	Nguyễn Văn Tùng	24225	Con liệt sĩ	Kinh	TDP Tập An Bắc		1
	Tổng cộng							187	436